

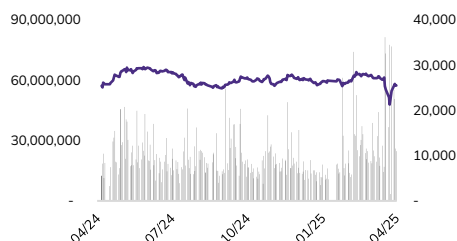
Phạm Hồng Trường

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Ngành                 | : Thép          |
| Ngày báo cáo          | : 17/04/2025    |
| Giá hiện tại (VND/CP) | : 25.550        |
| Giá mục tiêu (VND/CP) | : 33.500        |
| Khả năng tăng giá     | : 31,1%         |
| Vốn hóa (Tỷ VND)      | : 163.104       |
| SLCPLH (CP)           | : 6.396.250.200 |

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu             | 2023   | 2024   |
|----------------------|--------|--------|
| Tăng trưởng DTT (%)  | -15,9% | 16,7%  |
| Tăng trưởng LNST (%) | -19,4% | 75,9%  |
| Biên LNG (%)         | 10,9%  | 13,3%  |
| Biên LNST (%)        | 5,7%   | 8,7%   |
| ROA (%)              | 3,8%   | 5,8%   |
| ROE (%)              | 6,9%   | 11,1%  |
| Nợ vay/VCSH (lần)    | 0,64   | 0,72   |
| EPS (VND/CP)         | 1.175  | 1.879  |
| BVPS (VND/CP)        | 17.674 | 17.879 |

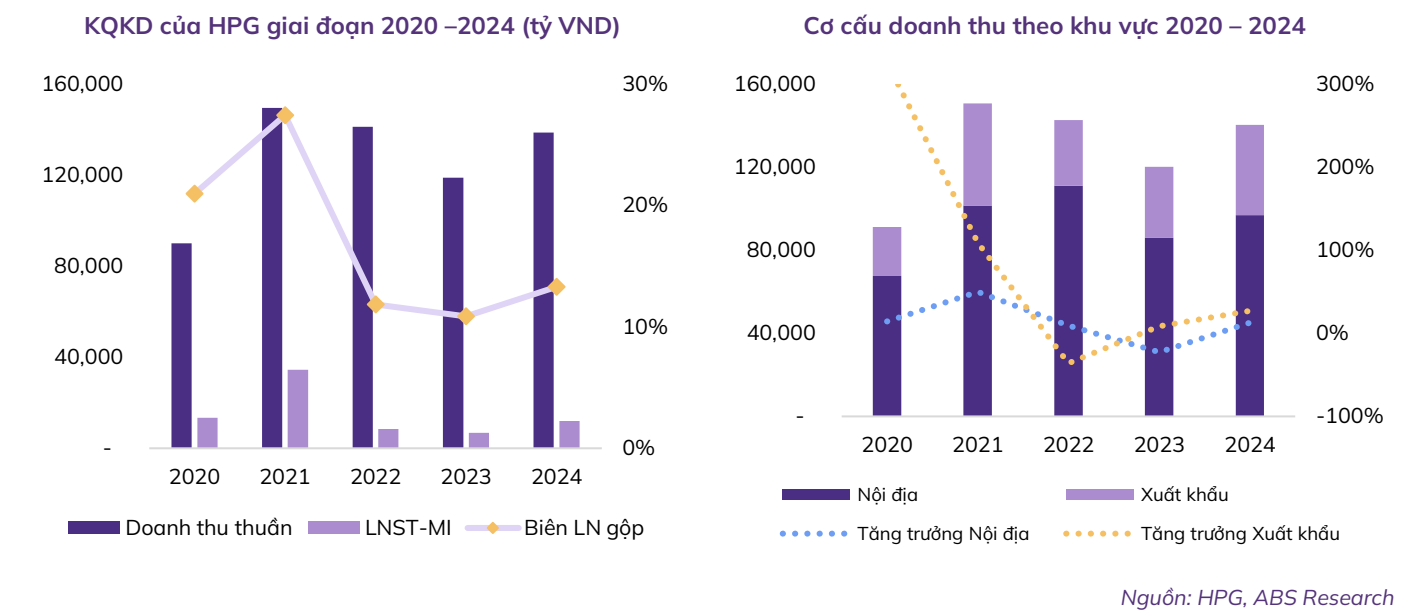
Nguồn: HPG, ABS Research

## Động lực tăng trưởng từ chiến lược phát triển thép công nghệ cao

## Điểm chính của ĐHCĐ 2025 ngày 17/04/2025

- Về kết quả kinh doanh năm 2024**, doanh thu của Hòa Phát đạt 140,6 nghìn tỷ đồng (+17% svck) và đạt 100% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận ròng đạt 12 nghìn tỷ đồng (+77% svck) và đạt 120% kế hoạch đề ra. Cụ thể:
  - **Mảng thép tiếp tục giữ vai trò cốt lõi.** Đối với Hòa Phát, doanh thu và lợi nhuận mảng thép lần lượt chiếm 93% và 86% toàn tập đoàn. Tổng sản lượng thép bán ra trong 2024 đạt 8,1 triệu tấn (+21% svck) với sự tích cực chủ đạo của thép xây dựng và thép cuộn cán nóng (HRC). Mảng xuất khẩu có sự tăng trưởng đột biến trong năm 2024 khi chiếm 31% tổng doanh thu. Thị trường xuất khẩu của rất đa dạng với trên 40 quốc gia và khu vực như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ (chỉ chiếm 1%), ...
  - **Mảng nông nghiệp:** đóng góp 5% doanh thu, 8% lợi nhuận. Lợi nhuận mảng nông nghiệp tăng mạnh, gấp 4,6 lần năm 2023 đến từ việc tối ưu hiệu quả hoạt động, giá heo tăng tốt trong năm 2024 cùng mạng lưới trang trại khép kín, sản lượng trứng gà tiêu thụ tốt, ...
  - **Mảng bất động sản:** đóng góp 6% lợi nhuận, có sự tăng trưởng mạnh trong năm nhờ mảng BĐS KCN khi đã lấp đầy gần như toàn bộ diện tích đã hoàn thiện hạ tầng tại 3 KCN Phố Nối A (lấp đầy 90%), Hòa Mạc (lấp đầy 96%), Yên Mỹ II (lấp đầy 99%). Mới đây, doanh nghiệp cũng đã được phê duyệt chủ trương đầu tư KCN Đồng Phúc 354,6 ha (Bắc Giang), đang thực hiện GPMB và phát triển hạ tầng để có thể cho thuê từ 2026.
  - **Mảng điện máy gia dụng:** ghi nhận sự tăng trưởng 60% doanh thu trong năm 2024 nhờ phát triển đa dạng sản phẩm cùng kênh phân phối.
- Về kế hoạch kinh doanh năm 2025**, HPG đặt mục tiêu doanh thu kỷ lục 170.000 tỷ đồng và LNST 15.000 tỷ đồng, lần lượt tăng 20,9% và 24,8% so với thực hiện năm 2024. Đây là kế hoạch kinh doanh khá tham vọng của HPG trong bối cảnh vĩ mô có nhiều biến động liên quan đến rủi ro thuế quan của Mỹ nhưng ban lãnh đạo sẽ quyết tâm hoàn thành mục tiêu đề ra
- KQKD Q1/2025 tăng trưởng.** Doanh thu, lợi nhuận HPG lần lượt đạt 37 nghìn tỷ đồng (+19% svck) và 3.300 tỷ đồng (+15% svck), hoàn thành 22% kế hoạch năm. Sự tích cực này đến từ thị trường nội địa với hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh. Cụ thể, sản lượng thép xây dựng tiêu thụ đạt gần 1,2 triệu tấn (+25% svck). Ngoài ra, sản lượng HRC tiêu thụ cũng tăng mạnh, đạt 993 nghìn tấn (+23% svck), riêng T3/2025 tăng 88% svck, 108% MoM đến từ việc áp dụng thuế CBPG với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc cùng với việc nhà máy Dung Quất 2 GD1 đã đi vào hoạt động từ T3/2025. Riêng tôn mạ ghi nhận sản lượng tiêu thụ thấp ở mức 89 nghìn tấn (-9% svck) khi thị trường xuất khẩu chịu ảnh hưởng của các biện pháp bảo hộ thương mại.

- Tác động của chính sách thuế quan mới của Mỹ.** Ban lãnh đạo công ty nhận định những diễn biến mới đây liên quan đến việc Mỹ áp dụng thuế đối ứng toàn cầu và thuế chống bán phá giá thép tôn mạ sơ bộ với các doanh nghiệp Việt Nam có thể tạo ra những kịch bản bất lợi với nền kinh tế và các doanh nghiệp ngành thép với biến động khó lường (Xem thêm báo cáo của chúng tôi tại [đây](#)). Tuy nhiên Hòa Phát vẫn đang duy trì sự cẩn trọng với chiến lược tập trung vào thị trường nội địa, duy trì nguyên tắc tỷ trọng xuất khẩu ở mức dưới 20% (năm 2024 tỷ trọng xuất khẩu tăng lên mức 31% khi thị trường nội địa gặp nhiều khó khăn) với khách hàng từ hơn 40 quốc gia và khu vực như, trong đó thị trường Mỹ chỉ chiếm 1%. Ngoài ra, ngành thép không nằm trong nhóm chịu áp dụng thuế đối ứng của Mỹ do đã chịu áp dụng của thuế ở khoản Mục 232 từ giai đoạn trước đây.



- Sản lượng thép HRC từ nhà máy Dung Quất 2 hấp thụ tốt.** Giai đoạn 1 của Nhà máy Dung Quất 2 đã đi vào hoạt động từ tháng 3/2025 với công suất 1,4 triệu tấn thép HRC. Dự kiến, giai đoạn 2 của dự án này sẽ vận hành từ tháng 9/2025, đầu năm 2026 có thể vận hành tối đa công suất. Khả năng tiêu thụ sản phẩm thép HRC hiện tại của Hòa Phát tương đối tốt, với dự kiến mức tăng trưởng 1 năm từ 3-5%, doanh nghiệp sẽ cân nhắc thăm dò dựa trên nhu cầu thực tế để đưa ra mức sản xuất phù hợp. Ban lãnh đạo HPG tự tin vào khả năng cạnh tranh của sản phẩm HRC với các đối thủ khác nhờ uy tín và chất lượng đã được khẳng định. Nhà máy Dung Quất 2 đi vào hoạt động cũng giúp cải thiện biên lợi nhuận sản phẩm thép HRC.

**Sản lượng thép tiêu thụ thép của HPG (tấn)**

| Chỉ tiêu      | T3/2024 | T3/2025 | %YoY | %MoM | Q1/2024 | Q12025 | %YoY |
|---------------|---------|---------|------|------|---------|--------|------|
| Thép xây dựng | 381     | 505     | 32%  | 34%  | 956     | 1190   | 24%  |
| Ống thép      | 43      | 63      | 45%  | -15% | 131     | 185    | 42%  |
| Tôn mạ        | 32      | 29      | -10% | -17% | 98      | 89     | -9%  |
| HRC           | 263     | 495     | 88%  | 108% | 806     | 993    | 23%  |
| - Nội địa     | 179     | 441     | 146% | 132% | 474     | 874    | 84%  |
| - Xuất khẩu   | 84      | 54      | -36% | 14%  | 332     | 119    | -64% |

Nguồn: HPG, ABS Research

- Nguồn cung quặng sắt đầu vào dồi dào.** Liên quan đến chiến lược tự chủ và tối đa hóa lợi nhuận từ nguồn nguyên liệu đầu vào, Hòa Phát luôn có kế hoạch tìm kiếm, thăm dò và xem xét các cơ hội mua lại mỏ quặng sắt, do đây là một trong hai cấu

phần nguyên liệu chính (cùng với than) trong sản xuất thép. Tuy nhiên, HPG vẫn tập trung chính vào nhập khẩu quặng. Hiện nay, nguồn cung quặng sắt trên thế giới tương đối dồi dào, với nhiều mỏ mới tại châu Phi.

- **Đầu tư dự án 14.000 tỷ sản xuất ray thép, phát triển thép chất lượng cao.** Hòa Phát mới đây đã quyết định đầu tư nhà máy thép ray tại Khu liên hợp Dung Quất 2, với tổng vốn đầu tư lên tới 14.000 tỷ đồng, dự kiến động thổ trong tháng 5/2025 và đến tháng 5/2027 sẽ cung cấp những sản phẩm đầu tiên. Dự án này thể hiện tham vọng của Hòa Phát hướng tới phát triển các sản phẩm thép chất lượng cao như thép đường ray, thép thi công hầm cầu, ... phục vụ chuyên biệt các dự án hạ tầng đường sắt trọng điểm quốc gia, bao gồm cả đường sắt cao tốc Bắc – Nam, đường sắt Lào Cai – Hải Phòng, ... Hòa Phát cam kết có thể cung cấp tất cả các loại thép cho phần nền đường sắt. Tập đoàn cũng đã bổ sung ngành nghề "xây dựng công trình đường sắt" vào đăng ký kinh doanh. Hiện Bộ Xây dựng đang trình Chính phủ Nghị định về việc giao nhiệm vụ và đơn hàng cụ thể cho doanh nghiệp trong nước, tạo cơ sở pháp lý và đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

Bên cạnh đó, Hòa Phát cũng liên hệ với nhiều nhà sản xuất ô tô khác nhau (như Vinfast, Thaco, ...) để cung cấp sản phẩm thép phục vụ sản xuất. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chuẩn bị ký hợp tác chiến lược với Tập đoàn Năng lượng quốc gia để cung cấp thép cho các dự án của Tập đoàn trong lĩnh vực dầu khí và điện gió.

Với dự án nhà máy ở Phú Yên, doanh nghiệp đã hoàn thành xong các thủ tục sơ bộ ban đầu, đang cân nhắc loại hình sản phẩm thép sẽ được sản xuất tại đây.

- **Hoạt động kinh doanh khác:** HPG duy trì chiến lược tập trung chính vào mảng thép, các hoạt động khác như BĐS, chăn nuôi, ... duy trì tỷ lệ đóng góp ở mức vừa phải. Đối với mảng BĐS, đáng chú ý gần đây, HPG đã đầu tư dự án NOXH tại Yên Mỹ. Các dự án NOXH tuy có mức lợi nhuận thấp nhưng khả năng hấp thụ đầu ra tốt, doanh nghiệp sẽ cân nhắc tiếp tục triển khai các dự án NOXH ở khu vực khác, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức tỷ trọng đóng góp thấp.
- **Về phương án chia cổ tức:** theo tờ trình ban đầu, tập đoàn dự kiến chi trả cổ tức tổng tỷ lệ 20% gồm 5% tiền mặt và 15% cổ phiếu. Song trước chính sách áp thuế đối ứng và thuế chống bán phá giá tôn mạ của Mỹ, HĐQT Hoà Phát đã quyết định không chia cổ tức tiền mặt mà trả toàn bộ bằng cổ phiếu trên cơ sở thận trọng và đảm bảo nguồn vốn tiền mặt trước những biến động sắp tới. Dự kiến nếu năm 2026 sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt nếu không có những biến động bất thường.

## Đánh giá của ABS Research

- Theo kế hoạch kinh doanh 2025 của HPG, doanh thu năm 2025 là 170.000 tỷ đồng, LNST là 15.000 tỷ đồng. Theo đó, chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025F là 2.345 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 10,8x.
- **Chúng tôi đánh giá triển vọng thời gian tới của HPG sẽ tích cực hơn so với các doanh nghiệp khác trong ngành do:**
  - Ngành thép năm 2025 dự kiến sẽ gặp nhiều thách thức trong bối cảnh thương mại toàn cầu bất ổn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu, khu vực nội địa sẽ là động lực tăng trưởng từ sự khởi sắc của thị trường BĐS bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư công. HPG với vị thế là doanh nghiệp đầu ngành thép, đặc biệt là thép xây dựng với thị phần nội địa lớn, sẽ chịu ít ảnh hưởng hơn những doanh nghiệp khác trong ngành bởi những khó khăn của thị trường xuất khẩu, thị trường nội địa sẽ giúp KQKD của doanh nghiệp tăng trưởng.
  - Ngoài ra, gần đây, Bộ Công thương đã áp dụng thuế CBPG với HRC nhập từ Trung Quốc, theo đó sẽ giúp giảm lượng thép HRC giá rẻ tràn vào Việt Nam, thúc đẩy sản lượng tiêu thụ HRC của HPG. Ngoài ra, việc nhà máy Dung Quất 2 GD1 đi vào hoạt động sẽ giúp cung cấp thêm sản lượng HRC phục vụ thị trường nội địa (chỉ có HPG và Formosa là 2 đơn vị trong nước cung cấp sản phẩm này). Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý rủi ro khi các doanh nghiệp tôn mạ sử dụng HRC của HPG làm nguyên liệu đầu vào gặp khó khăn trong việc tiêu thụ đầu ra (xuất khẩu sụt giảm) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ loại thép này.
  - Triển vọng trong trung và dài hạn, HPG đang đi đầu thực hiện nghiên cứu sản phẩm thép công nghệ cao để phục vụ các công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia, các ngành đường sắt, ô tô, đóng tàu, cơ khí, dầu khí, điện gió ... và công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên của Chính phủ là khuyến khích các tập đoàn trong nước hợp tác với nhau và đảm nhận tổng thầu những công trình lớn. Theo đó, những sản phẩm này sẽ tạo lợi thế cạnh tranh của HPG, giúp duy trì khả năng tăng trưởng cũng như cải thiện biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong tương lai.
  - Chúng tôi duy trì dự phóng LNST 2025F của HPG ở mức 15.414 tỷ đồng (+28% svck). Theo đó, ước tính EPS và BVPS 2025F lần lượt đạt 2.410 đ/cp và 20.526 đ/cp. Tại mức giá hiện tại, HPG đang giao dịch với P/E và P/B 2025F lần lượt 10,6x lần và 1,2x lần. Chúng tôi duy trì định giá ở mức 33.500 VND/cp và khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HPG với tiềm năng tăng giá +31,1%.

## PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA HPG

| Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)      | 2021           | 2022           | 2023           | 2024           |
|--------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | <b>149.680</b> | <b>141.409</b> | <b>118.953</b> | <b>138.855</b> |
| Giá vốn hàng bán               | (108.571)      | (124.646)      | (106.015)      | (120.358)      |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>41.108</b>  | <b>16.763</b>  | <b>12.938</b>  | <b>18.498</b>  |
| Doanh thu tài chính            | 3.071          | 3.744          | 3.173          | 2.619          |
| Chi phí tài chính              | (3.732)        | (7.027)        | (5.192)        | (3.967)        |
| Chi phí bán hàng               | (2.120)        | (2.666)        | (1.961)        | (2.337)        |
| Chi phí QLDN                   | (1.324)        | (1.019)        | (1.307)        | (1.546)        |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>       | <b>37.008</b>  | <b>9.794</b>   | <b>7.651</b>   | <b>13.267</b>  |
| Lãi/lỗ khác                    | 48             | 128.9          | 142.0          | 426.5          |
| Lợi nhuận trước thuế           | 37.057         | 9.923          | 7.793          | 13.694         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>34.521</b>  | <b>8.444</b>   | <b>6.800</b>   | <b>12.020</b>  |
| <b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b> | <b>34.478</b>  | <b>8.484</b>   | <b>6.835</b>   | <b>12.021</b>  |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)                     | 2021          | 2022            | 2023          | 2024           |
|--------------------------------------------|---------------|-----------------|---------------|----------------|
| LCT thuần từ HĐKD                          | 26.721        | 12.278          | 8.643         | 6.608          |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư              | (19.669)      | (24.626)        | (11.995)      | (29.788)       |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính           | 1.740         | (1.778)         | 7.276         | 17.815         |
| <b>LCT thuần trong kỳ</b>                  | <b>8.792</b>  | <b>(14.127)</b> | <b>3.924</b>  | <b>(5.365)</b> |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ             | 13.696        | 22.471          | 8.325         | 12.252         |
| <b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b> | <b>22.471</b> | <b>8.325</b>    | <b>12.252</b> | <b>6.888</b>   |

| Chỉ số tài chính                    | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>          |        |        |        |        |
| Khả năng thanh toán hiện hành       | 0,99   | 1,25   | 1,05   | 1,15   |
| Khả năng thanh toán nhanh           | 0,47   | 0,59   | 0,58   | 0,70   |
| Khả năng thanh toán tiền mặt        | 0,14   | 0,09   | 0,07   | 0,07   |
| Khả năng thanh toán lãi vay         | 7,02   | 18,06  | 12,34  | 9,16   |
| <b>Cơ cấu vốn</b>                   |        |        |        |        |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản         | 0,41   | 0,57   | 0,41   | 0,41   |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản            | 0,59   | 0,43   | 0,59   | 0,59   |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)         | 0,28   | 0,15   | 0,24   | 0,31   |
| <b>Chỉ số hiệu suất hoạt động</b>   |        |        |        |        |
| Số ngày phải thu                    | 49,70  | 55,67  | 88,61  | 60,90  |
| Số ngày phải trả                    | 69,94  | 119,46 | 158,56 | 95,44  |
| Số ngày tồn kho                     | 413,44 | 358,08 | 535,82 | 322,19 |
| <b>Khả năng sinh lời</b>            |        |        |        |        |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp               | 36,3%  | 57,0%  | 49,2%  | 34,5%  |
| Tỷ suất lợi nhuận HĐKD              | 52,1%  | 56,1%  | 60,9%  | 42,5%  |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 38,2%  | 45,7%  | 46,2%  | 32,2%  |
| ROE                                 | 38,6%  | 36,9%  | 21,4%  | 20,6%  |
| ROA                                 | 13,3%  | 17,4%  | 9,7%   | 8,3%   |
| ROIC                                | 5,4%   | 6,6%   | 3,9%   | 3,2%   |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)       | 2021          | 2022          | 2023           | 2024           |
|--------------------------------------|---------------|---------------|----------------|----------------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.471        | 8.325         | 12.252         | 6.888          |
| + Đầu tư ngắn hạn                    | 18.236        | 26.268        | 22.177         | 18.975         |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn        | 7.663         | 9.893         | 10.702         | 7.648          |
| + Hàng tồn kho                       | 42.134.5      | 34.491.1      | 34.504.5       | 46.091.2       |
| + Tài sản ngắn hạn khác              | 3.650         | 1.538         | 3.081          | 7.073          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>94.155</b> | <b>80.515</b> | <b>82.716</b>  | <b>86.674</b>  |
| + Các khoản phải thu dài hạn         | 809.2         | 894.5         | 1.880.9        | 923.4          |
| + Tài sản cố định                    | 69.281        | 70.833        | 71.998         | 67.428         |
| + Bất động sản đầu tư                | 548           | 629           | 594            | 560            |
| + Tài sản dở dang dài hạn            | 9.699         | 13.363        | 26.099         | 63.751         |
| + Đầu tư dài hạn                     | 7             | 1             | 40             | 137            |
| + Tài sản dài hạn khác               | 3.738         | 4.100         | 4.454          | 5.017          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>               | <b>84.082</b> | <b>89.821</b> | <b>105.066</b> | <b>137.815</b> |

|                                     |                |                |                |                |
|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Tổng Tài sản</b>                 | <b>178.236</b> | <b>170.336</b> | <b>187.783</b> | <b>224.490</b> |
| + Vay ngắn hạn                      | 43.748         | 46.749         | 54.982         | 55.883         |
| + Phải trả người bán                | 23.729         | 11.107         | 12.387         | 14.047         |
| + Nợ ngắn hạn khác                  | 5.983          | 4.530          | 4.144          | 5.296          |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>73.459</b>  | <b>62.385</b>  | <b>71.513</b>  | <b>75.225</b>  |
| + Vay dài hạn                       | 13.465         | 11.152         | 10.399         | 27.080         |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác   | 532            | 686            | 3.034          | 7.537          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>13.996</b>  | <b>11.837</b>  | <b>13.433</b>  | <b>34.617</b>  |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>             | <b>87.456</b>  | <b>74.223</b>  | <b>84.946</b>  | <b>109.842</b> |
| + Vốn cổ phần                       | 44.729         | 58.148         | 58.148         | 63.963         |
| + Thặng dư vốn cổ phần              | 3.212          | 3.212          | 3.212          | 0              |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 41.763         | 33.834         | 40.593         | 49.599         |
| + Quỹ khác                          | 0              | 0              | 0              | 0              |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>90.781</b>  | <b>96.113</b>  | <b>102.836</b> | <b>114.647</b> |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>          | <b>178.236</b> | <b>170.336</b> | <b>187.783</b> | <b>224.490</b> |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%)               | 2021   | 2022   | 2023   | 2024  |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|-------|
| Tăng trưởng doanh thu               | 66,1%  | -5,5%  | -15,9% | 16,7% |
| Tăng trưởng LNNT                    | 141,3% | -73,2% | -21,5% | 75,7% |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | 117,5% | -59,2% | -22,8% | 43,0% |
| Tăng trưởng EPS                     | 89,9%  | -80,5% | -19,4% | 59,9% |
| Tăng trưởng VCSH                    | 53,3%  | 5,9%   | 7,0%   | 11,5% |
| Tăng trưởng Tổng tài sản            | 35,5%  | -4,4%  | 10,2%  | 19,5% |

| Định giá (lần) | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E            | 2,67   | 19,19  | 22,59  | 12,18  |
| P/B            | 0,98   | 1,70   | 1,50   | 1,28   |
| EV/EBITDA      | 2,84   | 10,70  | 12,62  | 10,35  |
| EV/Sales       | 0,83   | 1,50   | 1,75   | 1,60   |
| EPS (đồng/cp)  | 7.477  | 1.459  | 1.175  | 1.879  |
| BVPS (đồng/cp) | 20.261 | 16.511 | 17.674 | 17.879 |

Nguồn: HPG, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

### MUA

Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

### KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%

### TRUNG LẬP

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%

### KÉM KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%

### BÁN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường – Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



**Tư hào**  
**NHẬN CÚ ĐÚP**  
**GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP**  
**ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH**  
**IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây